

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1

(Đợt thi 13 tháng 06 năm 2026)

(Kèm theo biên bản họp HĐ ĐGNLNN số ngày tháng năm 2026)

	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	TA2606001	21810000045	Đặng Ngọc Hoàng	An	18/05/2003	14,0	9,0	10,5	10,0	43,5	
2	TA2606002	20810430322	Ngô Văn	An	02/03/2002	17,0	12,0	25,5	21,0	75,5	
3	TA2606003	21810510547	Phạm Trường	An	13/07/2003	14,0	16,0	23,0	14,0	67,0	
4	TA2606004	21810650362	Dương Hải	Anh	12/06/2003	21,0	11,0	26,5	17,0	75,5	
5	TA2606005	24810180370	Đào Xuân Tuấn	Anh	28/12/2006	18,0	13,0	23,0	16,0	70,0	
6	TA2606006	21810710389	Lương Thị Kim	Anh	27/12/2003	11,0	13,0	24,0	20,0	68,0	
7	TA2606007	24810840089	Nguyễn Bắc	Anh	24/06/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
8	TA2606008	24810430246	Nguyễn Hoàng	Anh	01/10/2006	19,0	13,0	28,5	18,0	78,5	
9	TA2606009	24810540106	Nguyễn Lương Đức	Anh	08/09/2006	18,0	13,0	14,5	18,0	63,5	
10	TA2606010	24810840076	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	02/10/2006	13,0	13,0	19,5	9,0	54,5	
11	TA2606011	21810710017	Nguyễn Việt	Anh	14/11/2003	19,0	17,0	25,0	17,0	78,0	
12	TA2606012	20810310545	Trần Minh	Anh	31/08/2002	15,0	13,0	25,0	19,0	72,0	
13	TA2606013	24819120018	Trần Thế	Anh	29/09/2006	10,0	14,0	26,5	20,0	70,5	
14	TA2606014	24810110249	Dương Thế	Bảo	16/10/2006	10,0	13,0	28,5	20,0	71,5	
15	TA2606015	21810850197	Trương Văn	Bình	29/05/2003	10,0	13,0	21,5	16,0	60,5	
16	TA2606016	20810000180	Trần Thành	Công	13/11/2002	13,0	7,0	28,5	15,0	63,5	
17	TA2606017	20810310443	Bùi Mạnh	Cường	17/06/2002	8,0	15,0	15,5	15,0	53,5	
18	TA2606018	24810180227	Đặng Văn	Cường	30/03/2006	11,0	14,0	13,5	13,0	51,5	
19	TA2606019	21810310494	Nguyễn Chí	Cường	11/01/2003	21,0	16,0	19,0	19,0	75,0	
20	TA2606020	24810340432	Đoàn Tiến Hải	Chiến	21/12/2006	4,0	13,0	25,5	20,0	62,5	
21	TA2606021	20810170390	Nguyễn Hữu	Chiến	28/09/2002	8,0	15,0	24,0	18,0	65,0	
22	TA2606022	24810410010	Lê Đức	Chính	01/11/2006	11,0	17,0	20,5	22,0	70,5	
23	TA2606023	21810510423	Nghiêm Phúc	Chính	08/09/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
24	TA2606024	24810710266	Đặng Đức	Chung	30/09/2006	20,0	15,0	24,0	18,0	77,0	
25	TA2606025	21810110010	Nguyễn Mạnh	Chung	30/08/2003	20,0	18,0	24,0	21,0	83,0	
26	TA2606026	21819110027	Nguyễn Đình	Danh	25/09/2003	19,0	6,0	13,5	15,0	53,5	
27	TA2606027	21819110018	Bùi Đức	Dũng	03/10/2003	20,0	8,0	15,5	15,0	58,5	
28	TA2606028	21810440728	Hoa Anh Trung	Dũng	15/04/2003	12,0	13,0	12,0	11,0	48,0	

	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
29	TA2606029	20810310454	Nguyễn Minh	Dũng	10/08/2002	15,0	17,0	17,0	19,0	68,0	
30	TA2606030	21810440374	Nguyễn Quang	Dũng	09/11/2003	14,0	14,0	30,0	16,0	74,0	
31	TA2606031	24810710259	Nguyễn Tiến	Dũng	11/04/2006	9,0	14,0	10,5	13,0	46,5	
32	TA2606032	24810110208	Phạm Tiến	Dũng	10/10/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
33	TA2606033	21810110184	Phạm Ngọc	Duy	25/02/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
34	TA2606034	21810410128	Vũ Thế	Duy	24/04/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
35	TA2606035	21810310379	Đoàn Thái	Dương	20/02/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
36	TA2606036	20810320087	Nguyễn	Dương	01/07/2002	16,0	13,0	19,5	15,0	63,5	
37	TA2606037	21810180453	Nguyễn Khắc	Dương	02/03/2003	16,0	19,0	22,5	15,0	72,5	
38	TA2606038	21810170557	Trần Hải	Dương	15/03/2003	15,0	8,0	17,0	19,0	59,0	
39	TA2606039	21810510473	Nguyễn Hoàng	Đại	05/11/2003	18,0	7,0	16,5	17,0	58,5	
40	TA2606040	21810310456	Nguyễn Văn	Đạo	19/10/2003	16,0	14,0	26,5	18,0	74,5	
41	TA2606041	21810310401	Đinh Quang	Đạt	17/06/2003	15,0	16,0	23,0	20,0	74,0	
42	TA2606042	19810710160	Ngô Minh	Đạt	12/07/2001	10,0	13,0	30,0	18,0	71,0	
43	TA2606043	Thí sinh tự do	Nguyễn Tiến	Đạt	23/03/1997	18,0	15,0	25,0	21,0	79,0	
44	TA2606044	21810660418	Vũ Đình	Đạt	06/04/2003	15,0	4,0	29,0	16,0	64,0	
45	TA2606045	21810430457	Đặng Hồng Hải	Đăng	08/04/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
46	TA2606046	21810340618	Nguyễn Đức	Đồng	24/07/2003	14,0	20,0	25,0	22,0	81,0	
47	TA2606047	21810310631	Lê Huy	Đồng	03/11/2003	18,0	14,0	17,0	18,0	67,0	
48	TA2606048	21810810013	Bùi Minh	Đức	17/01/2002	14,0	14,0	25,0	13,0	66,0	
49	TA2606049	21810510465	Đinh Văn Anh	Đức	26/04/2003	15,0	20,0	19,5	17,0	71,5	
50	TA2606050	21810720013	Ngô Minh	Đức	21/05/2003	14,0	16,0	23,0	22,0	75,0	
51	TA2606051	21810430559	Nguyễn Kim	Đức	23/07/2003	11,0	14,0	21,5	17,0	63,5	
52	TA2606052	19810110210	Trần Minh	Đức	30/11/2001	17,0	13,0	19,0	13,0	62,0	
53	TA2606053	21810230060	Hoàng Thị Yến	Giang	11/12/2003	20,0	19,0	16,5	12,0	67,5	
54	TA2606054	19810410053	Nguyễn Trường	Giang	28/11/2001	15,0	13,0	28,5	13,0	69,5	
55	TA2606055	Thí sinh tự do	Nguyễn Văn	Hà	26/06/1988	9,0	15,0	0,0	16,0	40,0	
56	TA2606056	21810310036	Nguyễn Tuấn	Hải	26/12/2003	9,0	19,0	23,0	17,0	68,0	
57	TA2606057	Thí sinh tự do	Trần Đăng	Hải	12/11/1995	9,0	15,0	25,0	17,0	66,0	
58	TA2606058	Thí sinh tự do	Bùi Thị Kim	Hạnh	16/03/1992	9,0	16,0	25,0	18,0	68,0	
59	TA2606059	21810820161	Hoàng Thị Bích	Hằng	15/02/2003	18,0	7,0	19,5	16,0	60,5	
60	TA2606060	20810000247	Trần Thị Thuý	Hằng	27/10/2002	19,0	7,0	22,5	16,0	64,5	
61	TA2606061	21810510480	Vũ Quang	Hiền	18/05/2003	17,0	9,0	22,5	15,0	63,5	
62	TA2606062	21810310451	Phạm Văn	Hiền	15/03/2003	9,0	15,0	24,0	16,0	64,0	
63	TA2606063	21810430587	Hoàng Minh	Hiếu	02/08/2003	12,0	13,0	25,5	19,0	69,5	

	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
64	TA2606064	21810230446	Nguyễn Đức	Hiếu	24/11/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
65	TA2606065	21810310625	Nguyễn Minh	Hiếu	21/10/2003	17,0	15,0	24,0	21,0	77,0	
66	TA2606066	20810230134	Phạm Trung	Hiếu	04/03/2002	7,0	10,0	24,0	15,0	56,0	
67	TA2606067	24810210066	Bùi Thị Hương	Hoa	21/08/2006	18,0	12,0	12,0	10,0	52,0	
68	TA2606068	21810110486	Vũ Ngọc	Hoà	24/11/2003	15,0	13,0	23,0	17,0	68,0	
69	TA2606069	1781510031	Bùi Văn	Hoàng	03/04/1999	24,0	17,0	13,5	20,0	74,5	
70	TA2606070	21810430498	Nguyễn Huy	Hoàng	19/05/2003	14,0	13,0	18,0	14,0	59,0	
71	TA2606071	21810680378	Vũ Minh	Hoàng	24/06/2003	6,0	10,0	19,0	4,0	39,0	
72	TA2606072	21810110008	Nguyễn Văn	Hùng	25/05/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
73	TA2606073	23810220075	Phùng Thanh	Hùng	18/09/2005	13,0	16,0	19,0	21,0	69,0	
74	TA2606074	21810620522	Bùi Quang	Huy	01/03/2003	17,0	13,0	23,0	18,0	71,0	
75	TA2606075	21810610006	Nguyễn Gia	Huy	12/03/2003	16,0	13,0	13,0	19,0	61,0	
76	TA2606076	2382119001	Nguyễn Quang Thái	Huy	20/09/1994	15,0	11,0	24,0	18,0	68,0	
77	TA2606077	21810510407	Phan Lê	Huy	12/06/2003	13,0	13,0	20,5	19,0	65,5	
78	TA2606078	21810440477	Trần Quang	Huy	18/12/2003	17,0	16,0	25,5	20,0	78,5	
79	TA2606079	18810220013	Vũ Quang	Huy	08/12/2000	15,0	18,0	14,5	17,0	64,5	
80	TA2606080	21810230483	Đinh Thị Thanh	Huyền	20/05/2003	17,0	15,0	26,5	21,0	79,5	
81	TA2606081	18810830157	Nguyễn Khánh	Huyền	13/02/2000	16,0	20,0	18,0	21,0	75,0	
82	TA2606082	21810310551	Mai Duy	Hưng	29/10/2003	9,0	15,0	19,5	13,0	56,5	
83	TA2606083	21810180389	Nguyễn Ngọc	Hưng	25/08/2003	9,0	12,0	17,0	12,0	50,0	
84	TA2606084	20810830233	Nguyễn Thị Thu	Hương	25/11/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
85	TA2606085	24810640008	Ngô Hoàng Thế	Khải	31/01/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
86	TA2606086	21810410018	Nguyễn Văn	Khang	17/05/2003	15,0	12,0	18,0	15,0	60,0	
87	TA2606087	21810110077	Ngô Bảo	Khanh	13/04/2003	15,0	12,0	28,5	12,0	67,5	
88	TA2606088	24810170334	Đặng Duy	Khánh	25/03/2006	16,0	14,0	17,0	19,0	66,0	
89	TA2606089	20810000106	Nguyễn Văn	Khánh	28/10/2002	14,0	13,0	26,5	19,0	72,5	
90	TA2606090	19810710247	Nguyễn Thị Thanh	Lam	20/07/2001	17,0	18,0	24,0	16,0	75,0	
91	TA2606091	21819110051	Phùng Văn	Lập	21/10/2003	15,0	13,0	19,0	14,0	61,0	
92	TA2606092	21810820325	Đào Thùy	Linh	12/12/2003	15,0	14,0	22,5	18,0	69,5	
93	TA2606093	21810230478	Nguyễn Cẩm	Linh	23/06/2003	10,0	15,0	23,0	15,0	63,0	
94	TA2606094	21810320621	Nguyễn Văn	Linh	05/11/2003	15,0	10,0	19,5	20,0	64,5	
95	TA2606095	Thí sinh tự do	Trần Thị	Loan	07/04/1985	20,0	17,0	13,0	20,0	70,0	
96	TA2606096	21810110527	Diệu Hải	Long	28/04/2003	9,0	16,0	30,0	21,0	76,0	
97	TA2606097	19810720261	Hoàng Hải	Long	18/12/2001	23,0	18,0	16,5	22,0	79,5	
98	TA2606098	21810630021	Nguyễn Tiến Minh	Long	09/12/2003	15,0	9,0	17,0	18,0	59,0	

	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
99	TA2606099	21810510539	Nguyễn Văn	Long	27/07/2003	14,0	12,0	17,0	20,0	63,0	
100	TA2606100	24810110589	Đặng Quang	Lực	02/03/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
101	TA2606101	21810310645	Trần Thị	Lương	05/05/2003	8,0	17,0	13,5	19,0	57,5	
102	TA2606102	21810110435	Trần Đình	Mạnh	04/08/2003	13,0	14,0	16,5	21,0	64,5	
103	TA2606103	24810170038	Trần Tiến	Mạnh	18/06/2004	13,0	10,0	9,5	19,0	51,5	
104	TA2606104	20810710242	Âu Ngọc	Minh	13/01/2002	15,0	8,0	23,0	15,0	61,0	
105	TA2606105	1781720027	Mai Tuấn	Minh	04/11/1999	16,0	16,0	25,0	22,0	79,0	
106	TA2606106	20810610029	Nguyễn Quang	Minh	07/10/2002	17,0	8,0	19,0	19,0	63,0	
107	TA2606107	21819120166	Phạm Đức	Minh	02/10/2003	8,0	12,0	12,0	16,0	48,0	
108	TA2606108	24810620086	Nguyễn Hoài	Nam	19/10/2006	10,0	9,0	29,0	18,0	66,0	
109	TA2606109	19810420368	Phạm Thanh	Nam	14/07/2001	8,0	14,0	19,0	11,0	52,0	
110	TA2606110	21810110032	Trần Hùng	Nam	01/03/2003	11,0	11,0	19,0	20,0	61,0	
111	TA2606111	20810410035	Vũ Phương	Nam	21/07/2002	17,0	11,0	30,0	22,0	80,0	
112	TA2606112	21810810110	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	12/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
113	TA2606113	Thí sinh tự do	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	20/09/1990	21,0	17,0	13,0	20,0	71,0	
114	TA2606114	21810720005	Đoàn Hồng	Ngọc	10/07/2003	17,0	17,0	22,5	21,0	77,5	
115	TA2606115	21810430364	Tổng Công	Ngọc	29/09/2003	14,0	14,0	25,5	20,0	73,5	
116	TA2606116	24810170001	Nguyễn Minh	Nguyên	14/07/2006	14,0	12,0	21,5	20,0	67,5	
117	TA2606117	24810170363	Bùi Thiện	Nhân	22/12/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
118	TA2606118	19810110042	Nguyễn Việt	Nhật	23/04/2001	22,0	17,0	25,0	20,0	84,0	
119	TA2606119	21810110063	Nguyễn Đức	Phong	10/06/2003	19,0	16,0	19,5	21,0	75,5	
120	TA2606120	20810320105	Phan Văn	Phong	28/10/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
121	TA2606121	21810310057	Đỗ Trọng	Phú	30/09/2003	19,0	13,0	17,0	21,0	70,0	
122	TA2606122	24810110171	Vũ Kiên	Phú	21/08/2006	15,0	13,0	25,5	17,0	70,5	
123	TA2606123	24810170017	Lê Xuân	Phúc	20/06/2006	23,0	13,0	25,0	9,0	70,0	
124	TA2606124	19810310126	Phan Minh	Phúc	03/08/2001	13,0	11,0	25,0	21,0	70,0	
125	TA2606125	20810230013	Phùng Minh	Phước	16/04/2002	19,0	12,0	28,5	21,0	80,5	
126	TA2606126	21810310048	Ngô Hùng	Phương	04/10/2003	19,0	18,0	14,5	23,0	74,5	
127	TA2606127	21810680376	Bùi Thanh	Quang	28/03/2003	0,0	7,0	0,0	0,0	7,0	
128	TA2606128	21810310633	Nguyễn Đức	Quang	24/05/2003	22,0	13,0	20,5	12,0	67,5	
129	TA2606129	20810720019	Phùng Thế	Quang	09/01/2002	23,0	7,0	25,0	20,0	75,0	
130	TA2606130	21810410039	Hoàng Minh	Quân	16/11/2003	22,0	11,0	13,5	21,0	67,5	
131	TA2606131	Thí sinh tự do	Hoàng Trường	Quân	23/06/2002	21,0	14,0	24,0	20,0	79,0	
132	TA2606132	20810710098	Nguyễn Minh	Quân	22/04/2002	22,0	15,0	24,0	23,0	84,0	
133	TA2606133	20810160468	Vũ Hồng	Quân	27/12/2002	24,0	9,0	26,5	21,0	80,5	

	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
134	TA2606134	21810310445	Nguyễn Quang	Quyền	14/11/2003	24,0	15,0	26,5	22,0	87,5	
135	TA2606135	24810710198	Cao Phương	Quỳnh	14/09/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
136	TA2606136	24810810120	Phạm Nguyễn	Quỳnh	09/12/2006	18,0	14,0	17,0	19,0	68,0	
137	TA2606137	21810310335	Lê Quang	Son	27/09/2003	19,0	13,0	15,5	23,0	70,5	
138	TA2606138	21810000375	Vũ Hồng	Son	22/04/2003	20,0	16,0	16,5	22,0	74,5	
139	TA2606139	21810430725	Vũ Minh	Sỹ	14/05/2003	8,0	18,0	19,0	20,0	65,0	
140	TA2606140	21810640341	Bùi Sỹ	Tiến	23/09/2003	18,0	13,0	24,0	19,0	74,0	
141	TA2606141	20810430277	Ngô Văn	Tiến	27/08/2002	18,0	10,0	10,5	19,0	57,5	
142	TA2606142	21810640338	Trần Trọng	Tiến	05/01/2003	20,0	12,0	13,5	21,0	66,5	
143	TA2606143	20810310477	Mai Xuân	Tĩnh	25/01/2002	13,0	7,0	27,5	21,0	68,5	
144	TA2606144	24810410057	Đào Minh	Tú	02/08/2006	19,0	13,0	14,5	21,0	67,5	
145	TA2606145	21810230443	Trần Anh	Tú	16/05/2003	22,0	12,0	19,5	22,0	75,5	
146	TA2606146	21810220507	Trương Đình	Tuân	20/07/2003	20,0	13,0	19,0	22,0	74,0	
147	TA2606147	24810430161	Đinh Nhật	Tuấn	17/06/2006	22,0	12,0	26,5	18,0	78,5	
148	TA2606148	21810310471	Hoàng Anh	Tuấn	10/05/2003	17,0	13,0	24,0	22,0	76,0	
149	TA2606149	21810680402	Lê Trọng Mạnh	Tuấn	15/07/2003	17,0	13,0	21,5	16,0	67,5	
150	TA2606150	19810000038	Nguyễn Cảnh	Tuấn	16/10/2001	20,0	19,0	12,0	21,0	72,0	
151	TA2606151	21819100008	Trần Anh	Tuấn	20/02/2003	0,0	3,0	0,0	0,0	3,0	
152	TA2606152	21810180379	Vũ Văn	Tuấn	25/10/2003	14,0	10,0	10,5	17,0	51,5	
153	TA2606153	21810630025	Lê Văn	Tùng	03/07/2003	19,0	17,0	28,5	21,0	85,5	
154	TA2606154	Thí sinh tự do	Nguyễn Khắc	Tùng	28/11/1997	19,0	13,0	23,0	20,0	75,0	
155	TA2606155	24810440104	Nguyễn Minh	Tuyền	24/11/2006	16,0	15,0	15,5	21,0	67,5	
156	TA2606156	21810110470	Dương Danh	Thanh	13/02/2003	16,0	14,0	15,5	20,0	65,5	
157	TA2606157	24810170352	Bùi Tiến	Thành	26/01/2004	13,0	12,0	8,5	19,0	52,5	
158	TA2606158	24810440317	Nguyễn Công	Thành	30/01/2006	11,0	14,0	19,0	20,0	64,0	
159	TA2606159	21810510517	Nguyễn Trung	Thành	14/07/2003	13,0	20,0	15,5	22,0	70,5	
160	TA2606160	21810430505	Vũ Tiến	Thành	11/08/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
161	TA2606161	21810710099	Đặng Phương	Thảo	19/01/2003	17,0	12,0	30,0	18,0	77,0	
162	TA2606162	21810810172	Nguyễn Hồng	Thảo	07/08/2003	22,0	20,0	27,5	20,0	89,5	
163	TA2606163	21810340655	Nguyễn Quang	Thiện	10/06/2003	0,0	7,0	0,0	0,0	7,0	
164	TA2606164	21810620502	Đỗ Văn	Thiệt	06/05/2003	22,0	18,0	13,5	20,0	73,5	
165	TA2606165	20810310370	Nguyễn Trọng	Thịnh	12/11/2002	19,0	11,0	21,5	21,0	72,5	
166	TA2606166	24810430221	Nguyễn Xuân	Thịnh	26/10/2006	15,0	13,0	27,5	15,0	70,5	
167	TA2606167	24810180513	Chu Minh	Thông	31/08/2006	15,0	12,0	30,0	20,0	77,0	
168	TA2606168	19810310554	Trần Thị	Thùy	24/10/2001	17,0	16,0	18,0	21,0	72,0	

	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
169	TA2606169	24810170417	Phùng Thị	Thuý	28/07/2006	20,0	12,0	27,5	19,0	78,5	
170	TA2606170	21810110305	Nguyễn Đình Trung	Thực	28/01/2002	20,0	20,0	18,0	18,0	76,0	
171	TA2606171	21810230448	Nguyễn Thị	Thương	03/09/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
172	TA2606172	21810230480	Nguyễn Thu	Trà	29/11/2002	18,0	15,0	20,5	21,0	74,5	
173	TA2606173	24810840067	Trần Thị Huyền	Trang	30/01/2006	19,0	14,0	29,0	19,0	81,0	
174	TA2606174	24810210057	Vương Thị Thuý	Trang	14/02/2006	24,0	16,0	29,0	21,0	90,0	
175	TA2606175	21819120156	Nguyễn Văn	Triển	17/08/2003	8,0	6,0	26,5	21,0	61,5	
176	TA2606176	21810110358	Đinh Văn	Trung	24/01/2003	16,0	5,0	14,5	19,0	54,5	
177	TA2606177	21810620018	Nguyễn Đức	Trung	07/11/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
178	TA2606178	21810110080	Thân Chí	Trung	28/09/2003	20,0	17,0	17,0	19,0	73,0	
179	TA2606179	21810680390	Bùi Đức	Trường	20/01/2003	19,0	14,0	30,0	21,0	84,0	
180	TA2606180	24810610169	Phan Đăng	Trường	14/12/2006	20,0	19,0	28,5	20,0	87,5	
181	TA2606181	22810000066	Nguyễn Ngọc	Uyên	26/09/2004	19,0	20,0	21,5	20,0	80,5	
182	TA2606182	19810000008	Nguyễn Quốc	Việt	21/07/2001	22,0	18,0	25,5	20,0	85,5	
183	TA2606183	21810990263	Nguyễn Thành	Vinh	17/01/2003	18,0	13,0	24,0	18,0	73,0	
184	TA2606184	21810410151	Đỗ Công Trường	Vũ	11/01/2003	17,0	18,0	22,5	20,0	77,5	
185	TA2606185	21810410051	Nguyễn Đức	Vũ	02/07/2003	16,0	15,0	18,0	18,0	67,0	
186	TA2606186	21810640316	Sân Xe	Xá	08/08/2003	13,0	10,0	19,0	20,0	62,0	
187	TA2606187	24810440086	Nguyễn Thành	Ý	23/03/2006	15,0	19,0	16,5	22,0	72,5	
188	TA2606188	21810620544	Đinh Quang	An	13/12/2003	19,0	9,0	27,5	20,0	75,5	
189	TA2606189	21810110111	Phạm Đức	An	07/03/2003	23,0	12,0	25,5	19,0	79,5	
190	TA2606190	21810720010	Trần Văn	An	13/05/2003	13,0	11,0	23,0	16,0	63,0	
191	TA2606191	20810810004	Đào Lan	Anh	26/12/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
192	TA2606192	18810310171	Hoàng Việt	Anh	13/01/2000	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
193	TA2606193	21810610088	Ngô Hoàng	Anh	22/09/2003	22,0	14,0	13,5	19,0	68,5	
194	TA2606194	18810310253	Nguyễn Đình Việt	Anh	08/11/2000	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
195	TA2606195	21810310410	Nguyễn Huy	Anh	30/03/2003	6,0	19,0	19,0	17,0	61,0	
196	TA2606196	20810410089	Nguyễn Tùng	Anh	25/02/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
197	TA2606197	Thí sinh tự do	Nguyễn Văn	Anh	26/10/1996	15,0	18,0	18,0	20,0	71,0	
198	TA2606198	24810430165	Phạm Lê Việt	Anh	19/10/2006	16,0	15,0	25,0	18,0	74,0	
199	TA2606199	21810510009	Trần Quốc	Anh	25/02/2003	17,0	14,0	11,0	10,0	52,0	
200	TA2606200	24810340336	Lã Xuân	Ánh	06/12/2006	17,0	17,0	25,0	8,0	67,0	
201	TA2606201	1781330005	Nguyễn Thanh	Bình	10/02/1999	15,0	20,0	26,5	16,0	77,5	
202	TA2606202	24810110252	Nguyễn Tiên	Công	25/06/2006	14,0	15,0	25,5	19,0	73,5	
203	TA2606203	1781510205	Trần Minh	Công	14/02/1998	25,0	17,0	25,0	17,0	84,0	

	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
204	TA2606204	20810510090	Đào Mạnh	Cường	04/04/2002	14,0	9,0	24,0	14,0	61,0	
205	TA2606205	21810510510	Đoàn Quang	Cường	11/10/2003	12,0	17,0	25,5	16,0	70,5	
206	TA2606206	21810410391	Nguyễn Xuân	Cường	11/02/2003	14,0	16,0	13,5	13,0	56,5	
207	TA2606207	19810170157	Hoa Xuân	Chiến	23/01/2001	15,0	13,0	24,0	8,0	60,0	
208	TA2606208	21810180500	Nguyễn Minh	Chiến	06/05/2003	18,0	10,0	25,0	20,0	73,0	
209	TA2606209	21810230398	Trần Duy	Chinh	26/11/2003	18,0	12,0	20,5	18,0	68,5	
210	TA2606210	21810510500	Trần Phạm Danh	Chính	01/11/2003	16,0	17,0	20,5	17,0	70,5	
211	TA2606211	24810430174	Nguyễn Đức	Chung	22/07/2006	19,0	11,0	25,5	9,0	64,5	
212	TA2606212	20810170407	Đỗ Đình	Danh	27/08/2002	19,0	9,0	28,5	18,0	74,5	
213	TA2606213	19810000020	Hà Anh	Dũng	19/10/2001	15,0	17,0	21,5	17,0	70,5	
214	TA2606214	24810110328	Lê Văn	Dũng	03/03/2006	16,0	13,0	22,5	17,0	68,5	
215	TA2606215	21810540474	Mai Đức	Dũng	16/11/2003	16,0	12,0	18,0	17,0	63,0	
216	TA2606216	18810310230	Nguyễn Tiến	Dũng	22/07/2000	20,0	17,0	25,5	16,0	78,5	
217	TA2606217	21810410574	Nguyễn Văn	Dũng	11/10/2003	19,0	15,0	15,5	5,0	54,5	
218	TA2606218	21810220013	Nguyễn Thế	Duy	20/06/2003	19,0	17,0	24,0	15,0	75,0	
219	TA2606219	21810430594	Phùng Quang	Duy	24/08/2003	20,0	16,0	15,5	14,0	65,5	
220	TA2606220	21819110043	Bùi Văn	Dương	02/02/2003	19,0	11,0	23,0	9,0	62,0	
221	TA2606221	21810410529	Đào Khánh	Dương	23/10/2003	16,0	16,0	25,0	10,0	67,0	
222	TA2606222	21810310630	Lê Đăng	Dương	18/12/2003	19,0	18,0	25,0	15,0	77,0	
223	TA2606223	24810180600	Nguyễn Đức	Dương	16/01/2006	20,0	14,0	29,0	15,0	78,0	
224	TA2606224	19810310295	Nguyễn Văn	Dương	06/01/2001	18,0	16,0	22,5	13,0	69,5	
225	TA2606225	20810430355	Trương Công	Dường	06/10/2002	18,0	16,0	23,0	16,0	73,0	
226	TA2606226	21810410539	Ngô Quang	Đạo	24/02/2003	15,0	15,0	20,5	17,0	67,5	
227	TA2606227	20810000311	Bùi Thành	Đạt	17/06/2002	16,0	15,0	24,0	15,0	70,0	
228	TA2606228	24810340512	Lê Thành	Đạt	06/07/2006	13,0	11,0	22,5	19,0	65,5	
229	TA2606229	21810640307	Nguyễn Quang	Đạt	28/02/2003	14,0	11,0	19,5	20,0	64,5	
230	TA2606230	21810410752	Trần Quang	Đạt	14/04/2001	15,0	13,0	26,5	12,0	66,5	
231	TA2606231	21810540424	Vương Quốc	Đạt	29/06/2003	15,0	13,0	26,5	18,0	72,5	
232	TA2606232	21810110122	Vũ Đức	Độ	01/11/2003	19,0	11,0	30,0	14,0	74,0	
233	TA2606233	21810640324	Trương Minh	Đông	12/12/2002	16,0	11,0	23,0	12,0	62,0	
234	TA2606234	20810310289	Bồ Hồng	Đức	04/02/2001	16,0	12,0	11,0	19,0	58,0	
235	TA2606235	21810510093	Cao Văn	Đức	08/06/2003	16,0	17,0	23,0	18,0	74,0	
236	TA2606236	21810110393	Hoàng Văn	Đức	12/06/2003	15,0	18,0	23,0	21,0	77,0	
237	TA2606237	21810230048	Nguyễn Bắc	Đức	13/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
238	TA2606238	Thí sinh tự do	Tổng Minh	Đức	21/10/2001	21,0	19,0	19,0	22,0	81,0	

	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
239	TA2606239	Thí sinh tự do	Vũ Minh	Đức	16/12/1995	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
240	TA2606240	21810310122	Lương Trường	Giang	05/10/2003	9,0	12,0	15,5	11,0	47,5	
241	TA2606241	21810170372	Trịnh Châu	Giang	28/10/2003	10,0	18,0	28,5	18,0	74,5	
242	TA2606242	21810710321	Đỗ Gia	Hải	27/11/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
243	TA2606243	24810610151	Nguyễn Văn	Hải	22/12/2006	19,0	14,0	29,0	8,0	70,0	
244	TA2606244	21810620008	Trần Trọng	Hải	08/09/2003	16,0	17,0	19,5	19,0	71,5	
245	TA2606245	24810320120	Trần Thế	Hào	22/04/2006	18,0	14,0	22,5	10,0	64,5	
246	TA2606246	21810510026	Nguyễn Thu	Hăng	05/10/2003	20,0	14,0	16,5	15,0	65,5	
247	TA2606247	20810170334	Nguyễn Duy	Hậu	26/11/2002	15,0	12,0	19,0	19,0	65,0	
248	TA2606248	21810620468	Hoàng Ngọc	Hiên	12/03/2003	11,0	16,0	25,5	19,0	71,5	
249	TA2606249	1781720016	Nguyễn Đình Bá	Hiệp	29/08/1999	22,0	20,0	27,5	20,0	89,5	
250	TA2606250	21810310333	Hoàng Xuân	Hiếu	02/08/2003	16,0	17,0	0,0	19,0	52,0	
251	TA2606251	24819120026	Nguyễn Minh	Hiếu	29/07/2006	15,0	18,0	13,0	20,0	66,0	
252	TA2606252	21810110536	Nguyễn Văn	Hiếu	13/04/2003	18,0	14,0	26,5	22,0	80,5	
253	TA2606253	19810720084	Từ Minh	Hiếu	07/09/2001	13,0	19,0	21,5	19,0	72,5	
254	TA2606254	21810860417	Nguyễn Quỳnh	Hoa	13/04/2003	18,0	19,0	29,0	21,0	87,0	
255	TA2606255	21810310151	Bùi Huy	Hoàng	13/06/2003	15,0	18,0	30,0	16,0	79,0	
256	TA2606256	21810410483	Nguyễn Đức	Hoàng	14/05/2003	22,0	14,0	17,0	19,0	72,0	
257	TA2606257	21810310514	Nguyễn Việt	Hoàng	29/08/2003	16,0	17,0	19,0	16,0	68,0	
258	TA2606258	21810430699	Nguyễn Phi	Hùng	27/10/2003	16,0	13,0	29,0	15,0	73,0	
259	TA2606259	21819120158	Phạm Mạnh	Hùng	04/10/2003	24,0	12,0	18,0	19,0	73,0	
260	TA2606260	21810620561	Trần Mạnh	Hùng	26/09/2003	17,0	16,0	13,0	17,0	63,0	
261	TA2606261	24810540361	Lê Đức	Huy	04/02/2006	19,0	14,0	28,5	21,0	82,5	
262	TA2606262	21810680375	Nguyễn Quang	Huy	28/02/2003	22,0	18,0	11,0	20,0	71,0	
263	TA2606263	24810110159	Phạm Tuấn	Huy	01/08/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
264	TA2606264	21810430411	Phan Thế	Huy	22/03/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
265	TA2606265	21810640323	Trịnh Quốc	Huy	13/09/2003	12,0	8,0	21,5	20,0	61,5	
266	TA2606266	21810620407	Vũ Quốc	Huy	10/02/2003	17,0	8,0	19,0	21,0	65,0	
267	TA2606267	21810710089	Hoàng Ngọc	Huyền	01/02/2003	17,0	12,0	12,0	23,0	64,0	
268	TA2606268	21810110114	Hoàng	Hưng	05/08/2003	10,0	18,0	19,0	22,0	69,0	
269	TA2606269	21810430575	Ngô Bảo	Hưng	07/10/2003	12,0	18,0	19,0	21,0	70,0	
270	TA2606270	21819120163	Phùng	Hưng	25/01/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
271	TA2606271	21810680446	Đặng Văn	Kiên	29/08/2002	13,0	15,0	18,0	21,0	67,0	
272	TA2606272	21810640322	Nguyễn Tiên	Khang	22/04/2003	12,0	12,0	27,5	22,0	73,5	
273	TA2606273	24810510110	Lê Văn Bảo	Khanh	26/08/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	

	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
274	TA2606274	21810110194	Âu Duy	Khánh	14/10/2003	12,0	18,0	12,0	18,0	60,0	
275	TA2606275	24810430363	Nguyễn Duy	Khánh	21/02/2006	10,0	16,0	23,0	21,0	70,0	
276	TA2606276	21819120195	Nguyễn Văn	Khánh	15/01/2003	22,0	17,0	24,0	22,0	85,0	
277	TA2606277	21810710033	Nguyễn Kim	Lân	11/09/2003	7,0	18,0	19,0	19,0	63,0	
278	TA2606278	21810110029	Nguyễn Đình	Lịch	07/01/2003	10,0	15,0	13,5	22,0	60,5	
279	TA2606279	Thí sinh tự do	Lê Thảo	Linh	19/01/2000	9,0	19,0	20,5	22,0	70,5	
280	TA2606280	21810630013	Nguyễn Duy	Linh	22/11/2003	12,0	11,0	16,5	21,0	60,5	
281	TA2606281	21810810080	Phan Phương	Linh	09/09/2003	12,0	14,0	19,5	21,0	66,5	
282	TA2606282	21810820139	Vũ Thị Bích	Loan	11/05/2003	14,0	10,0	9,5	23,0	56,5	
283	TA2606283	24810220056	Hoàng Hải	Long	03/10/2006	12,0	18,0	17,0	18,0	65,0	
284	TA2606284	21810110475	Mai Thế	Long	22/03/2003	5,0	18,0	13,5	19,0	55,5	
285	TA2606285	21810170350	Nguyễn Thành	Long	15/05/2003	5,0	16,0	25,0	21,0	67,0	
286	TA2606286	21810110110	Phạm Hoàng	Long	20/11/2003	4,0	19,0	18,0	17,0	58,0	
287	TA2606287	21819150371	Trần Đức	Lương	17/10/2003	17,0	16,0	12,0	20,0	65,0	
288	TA2606288	24810620013	Nguyễn Duy	Mạnh	23/10/2006	17,0	17,0	19,0	21,0	74,0	
289	TA2606289	20810540042	Trần Ngọc	Mạnh	26/12/2002	17,0	17,0	25,0	19,0	78,0	
290	TA2606290	21810310576	Vũ Thế	Mạnh	17/07/2003	10,0	18,0	29,0	22,0	79,0	
291	TA2606291	18810310290	Lê Hoàng	Minh	28/08/2000	8,0	20,0	19,0	22,0	69,0	
292	TA2606292	21819110129	Ngô Đức	Minh	05/11/2003	0,0	17,0	0,0	0,0	17,0	
293	TA2606293	22819120141	Nguyễn Văn	Minh	29/06/2004	22,0	16,0	19,0	18,0	75,0	
294	TA2606294	21810410706	Nguyễn Văn	Mùi	07/08/2003	8,0	11,0	20,5	9,0	48,5	
295	TA2606295	21810110472	Nguyễn Hữu Hoài	Nam	04/03/2003	6,0	14,0	30,0	5,0	55,0	
296	TA2606296	24810410181	Phạm Viết	Nam	21/10/2006	4,0	14,0	20,5	16,0	54,5	
297	TA2606297	21810710281	Trần Quang	Nam	04/12/2003	6,0	17,0	26,5	20,0	69,5	
298	TA2606298	21810230068	Trần Thị Hằng	Nga	11/09/2003	11,0	20,0	24,0	17,0	72,0	
299	TA2606299	21810220005	Đào Ngọc	Nghĩa	04/08/2003	9,0	13,0	18,0	5,0	45,0	
300	TA2606300	21810310033	Phạm Ngọc	Nghĩa	22/10/2003	8,0	18,0	17,0	17,0	60,0	
301	TA2606301	24810230045	Nguyễn Như	Ngọc	16/04/2006	6,0	14,0	22,5	20,0	62,5	
302	TA2606302	19810000057	Bạch Bảo	Nguyên	17/08/2001	6,0	19,0	10,5	19,0	54,5	
303	TA2606303	24810410327	Phạm Văn	Nguyên	24/01/2006	8,0	19,0	18,0	14,0	59,0	
304	TA2606304	24810620095	Đỗ Long	Nhật	12/11/2006	4,0	19,0	25,0	17,0	65,0	
305	TA2606305	21810230496	Phan Minh	Nhật	13/09/2003	7,0	15,0	13,0	7,0	42,0	
306	TA2606306	21810310123	Nguyễn Tuấn	Phong	26/02/2003	5,0	19,0	25,0	14,0	63,0	
307	TA2606307	20810170397	Cao Nguyễn Xuân	Phú	11/11/2002	16,0	18,0	18,0	6,0	58,0	
308	TA2606308	21810430515	Nguyễn Hữu	Phú	11/09/2003	17,0	17,0	24,0	10,0	68,0	

	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
309	TA2606309	21810110102	Đặng Đình	Phúc	26/07/2003	22,0	16,0	28,5	4,0	70,5	
310	TA2606310	21810310157	Vũ Nhật	Phúc	13/03/2003	8,0	15,0	23,0	9,0	55,0	
311	TA2606311	24810440336	Phạm Bảo	Phước	07/07/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
312	TA2606312	21810410027	Lại Duy	Phương	16/08/2003	22,0	16,0	27,5	14,0	79,5	
313	TA2606313	20810630029	Trịnh Xuân	Phương	09/07/2001	23,0	13,0	26,5	20,0	82,5	
314	TA2606314	24810410023	Đào Vinh	Quang	01/08/2006	10,0	14,0	13,5	18,0	55,5	
315	TA2606315	20810110232	Ngô Đức	Quang	26/09/2002	9,0	10,0	25,5	15,0	59,5	
316	TA2606316	21810180302	Nguyễn Việt	Quang	28/05/2003	9,0	13,0	27,5	8,0	57,5	
317	TA2606317	21810410117	Vũ Nhật	Quang	21/08/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
318	TA2606318	24810540029	Lê	Quân	23/01/2006	16,0	13,0	12,0	14,0	55,0	
319	TA2606319	20819120009	Nguyễn Minh	Quân	13/12/2002	8,0	10,0	19,5	9,0	46,5	
320	TA2606320	21810510048	Nguyễn Ngọc	Quyền	25/09/2003	5,0	13,0	14,5	8,0	40,5	
321	TA2606321	24810110292	Tông Công	Quyền	04/03/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
322	TA2606322	24810230017	Lăng Thị Thu	Quỳnh	05/04/2006	5,0	10,0	13,5	14,0	42,5	
323	TA2606323	18810310462	Trần Văn	Sang	19/07/2000	15,0	16,0	27,5	20,0	78,5	
324	TA2606324	21810230014	Dương Hà	Sơn	05/05/2003	8,0	14,0	24,0	19,0	65,0	
325	TA2606325	19810170313	Nguyễn Học	Sỹ	07/07/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
326	TA2606326	21810410095	Giang Nhật	Tân	13/07/2003	5,0	16,0	11,0	18,0	50,0	
327	TA2606327	21810620501	Dương Văn	Tiến	23/03/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
328	TA2606328	21810510472	Trần Ngọc	Tiến	14/02/2003	3,0	16,0	19,5	15,0	53,5	
329	TA2606329	21810110474	Nguyễn Đình Bảo	Tín	18/09/2003	4,0	15,0	17,0	0,0	36,0	
330	TA2606330	21810410012	Trần Mạnh	Toán	20/09/2003	3,0	12,0	19,0	15,0	49,0	
331	TA2606331	24810410352	Nguyễn Tuấn	Tú	28/05/2006	4,0	13,0	0,0	0,0	17,0	
332	TA2606332	21810410661	Trần Mạnh	Tú	25/08/2003	9,0	16,0	20,5	19,0	64,5	
333	TA2606333	21810310074	Đinh Ngọc	Tuấn	21/05/2003	4,0	10,0	9,5	3,0	26,5	
334	TA2606334	24810610114	Hà Viết	Tuấn	23/10/2006	9,0	15,0	19,0	17,0	60,0	
335	TA2606335	21810610077	Lã Văn	Tuấn	01/03/2003	18,0	16,0	25,5	19,0	78,5	
336	TA2606336	21810410507	Nguyễn Anh	Tuấn	28/01/2003	21,0	12,0	16,5	20,0	69,5	
337	TA2606337	21810620504	Nguyễn Quốc	Tuấn	08/07/2003	18,0	16,0	25,0	19,0	78,0	
338	TA2606338	19810170372	Vũ Mạnh	Tuấn	04/05/2001	18,0	14,0	24,0	17,0	73,0	
339	TA2606339	24810640113	Bùi Nguyên	Tùng	18/05/2003	21,0	13,0	16,5	18,0	68,5	
340	TA2606340	21810410158	Nguyễn Huy	Tùng	24/11/2003	18,0	14,0	15,5	18,0	65,5	
341	TA2606341	21810110209	Nguyễn Ngọc	Tùng	26/10/2002	18,0	16,0	24,0	11,0	69,0	
342	TA2606342	21810710296	Đỗ Vũ	Thái	02/08/2003	17,0	14,0	27,5	21,0	79,5	
343	TA2606343	21810410451	Vũ Văn	Thanh	07/07/2003	13,0	15,0	13,5	20,0	61,5	

	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
344	TA2606344	21810000384	Chu Văn	Thành	30/06/2003	19,0	14,0	19,0	19,0	71,0	
345	TA2606345	21810180282	Nguyễn Minh	Thành	20/12/2003	20,0	15,0	19,5	8,0	62,5	
346	TA2606346	21819140269	Tăng Xuân	Thành	28/03/2003	19,0	17,0	26,5	18,0	80,5	
347	TA2606347	24819110045	Trần Đức	Thành	12/06/2006	21,0	16,0	17,0	17,0	71,0	
348	TA2606348	19810650100	Ngô Minh	Thảo	17/09/2001	19,0	13,0	14,5	15,0	61,5	
349	TA2606349	20810510097	Nguyễn Trường	Thiên	19/10/2002	19,0	14,0	10,5	11,0	54,5	
350	TA2606350	21810350548	Trần Khánh	Thiện	09/01/2003	21,0	15,0	10,5	21,0	67,5	
351	TA2606351	21810410577	Nguyễn Quang	Thịnh	03/03/2003	22,0	14,0	29,0	21,0	86,0	
352	TA2606352	24810710168	Nguyễn Văn	Thịnh	21/04/2006	19,0	16,0	14,5	21,0	70,5	
353	TA2606353	24810840100	Phạm Thanh	Thoa	26/10/2006	23,0	12,0	22,5	20,0	77,5	
354	TA2606354	Thí sinh tự do	Bùi Thị	Thom	11/03/1989	19,0	17,0	17,0	19,0	72,0	
355	TA2606355	21810110043	Mai Thị	Thuý	15/01/2003	24,0	13,0	25,0	21,0	83,0	
356	TA2606356	21819140266	Nguyễn Thị	Thùy	05/11/2003	20,0	15,0	26,5	22,0	83,5	
357	TA2606357	21810430541	Nguyễn Gia	Thương	24/07/2003	24,0	17,0	26,5	21,0	88,5	
358	TA2606358	21819120173	Đỗ Duy	Thường	07/11/2003	19,0	17,0	19,5	19,0	74,5	
359	TA2606359	20810540011	Nguyễn Trọng	Trang	31/12/2002	18,0	14,0	30,0	18,0	80,0	
360	TA2606360	24810840035	Trịnh Nguyễn Hà	Trang	06/11/2006	16,0	16,0	29,0	16,0	77,0	
361	TA2606361	21810850374	Hoàng Ngọc	Trâm	27/08/2003	23,0	19,0	27,5	23,0	92,5	
362	TA2606362	Thí sinh tự do	Vũ Văn	Trí	05/05/1996	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
363	TA2606363	21810310358	Nguyễn Cao	Trung	28/12/2003	17,0	19,0	26,5	14,0	76,5	
364	TA2606364	21810230477	Nguyễn Đức	Trung	30/10/2003	21,0	12,0	25,0	20,0	78,0	
365	TA2606365	24819120019	Vương Thành	Trung	12/12/2006	19,0	13,0	22,5	16,0	70,5	
366	TA2606366	18810610030	Hoàng Xuân	Trường	16/09/2000	16,0	14,0	22,5	16,0	68,5	
367	TA2606367	21819140270	Trần Bá	Trường	08/09/2003	25,0	12,0	26,5	18,0	81,5	
368	TA2606368	thí sinh tự do	Nguyễn Thị Hồng	Vân	17/02/1985	15,0	17,0	24,0	16,0	72,0	
369	TA2606369	Thí sinh tự do	Nguyễn Văn	Việt	02/09/1989	20,0	18,0	27,5	16,0	81,5	
370	TA2606370	21810110116	Phạm Quang	Vinh	07/10/2003	20,0	12,0	26,5	21,0	79,5	
371	TA2606371	21810410503	Nguyễn Anh	Vũ	13/10/2003	25,0	17,0	23,0	21,0	86,0	
372	TA2606372	18810110308	Trần Quang	Vũ	04/10/2000	25,0	16,0	25,0	14,0	80,0	
373	TA2606373	24810710116	Nguyễn Thị Thanh	Xuyên	29/03/2006	20,0	14,0	8,5	20,0	62,5	
374	TA2606374	24810820037	Phan Thị Hải	Yến	05/10/2006	24,0	14,0	13,5	20,0	71,5	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 374 thí sinh